TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:50/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2024
V/v tranh chấp: "ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Bảo Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Nhị.

2. ông Phạm Quốc Tuấn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Ngọc Nhẫn – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2024/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp "*Ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Lê Thị Phương T, sinh năm 1997 (xin vắng)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

2.Bị đơn: Ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông T1 tự nguyện tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/7/2020. Sau khi kết hôn, có sống chung tại nhà cha mẹ chồng ở ấp D, xã M, T, Long An. Thời gian đầu hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn do ông T1 không lo cho gia đình, thu nhập ông T1 làm tự giữ không lo vợ con, không có tiếng nói chung, ông T1 chỉ nghe lời mẹ. Từ sau khi sinh con được 1 tuổi thì bà phát hiện ông T1 có quen người phụ nữ khác. Sau đó bà về nhà cha mẹ ruột sinh sống, thỉnh thoảng cũng có về nhà chồng nhưng ông T1 không thay đổi, hiện nay vợ chồng không còn chung sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu ly hôn với ông T1.

Về con chung: có 01 con chung tên Đỗ Lê Duy M sinh ngày 14/7/2021, hiện đang ở với bà. Bà yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn ông Đỗ Văn T1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có bản tự khai. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành thủ tục tống đạt niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T1 biết Tòa án có thụ lý vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của bà T nhưng ông T1 không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc bà T xin ly hôn.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật theo quy định pháp luật. Riêng ông T1 chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của ông theo thủ tục tố tụng, tuy nhiên việc xét xử vắng mặt ông T1 không ảnh hưởng đến kết quả xét xử. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, ông T1 không đến Tòa án để giải quyết vụ án cũng không có ý kiến. Bà T và ông T1 đã không còn chung sống. Xét mâu thuẫn trầm trọng, nên bà T yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Về con chung: Đỗ Lê Duy M sinh ngày 14/7/2021, hiện con chung đang sống chung bà T, ông T1 không tham gia phiên tòa không có ý kiến về con chung nên tiếp tục giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi là có cơ sở. Về tài sản chung và nợ chung, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Lê Thị Phương T và ông Đỗ Văn T1 kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/7/2020. Nay bà T khởi kiện làm phát sinh quan hệ tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Do ông Đỗ Văn T1 hiện cư ngụ tại huyện T, tỉnh Long An nên khi bà T có yêu cầu xin ly hôn thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An giải quyết theo trình tự sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không tiến hành hoà giải được do vắng mặt đương sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Tại phiên toà, ông Đỗ Văn T1 là bị đơn vắng mặt. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai tại nơi cư trú cho ông T1 Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo phiên tòa nhưng ông T1 vẫn không đến tham gia phiên tòa. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An đưa ra xét xử vắng mặt ông Đỗ Văn T1 là phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị Phương T có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu của bà T, Hội đồng xét xử thấy:

[5.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Phương T và ông Đỗ Văn T1 có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình

năm 2014, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ khi có tranh chấp.

[5.2] Xét thấy, bà Lê Thị Phương T và ông Đỗ Văn T1 kết hôn chưa lâu, ban đầu hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T trình bày là ông T1 không lo cho gia đình, không có tiếng nói chung, ông T1 chỉ nghe lời mẹ, sau khi sinh con chung được 1 tuổi thì ông T1 có người phụ nữ khác, từ đó bà T về nhà mẹ ruột sống, thỉnh thoảng có về nhà chồng nhưng ông T1 không thay đổi. Tuy ông T1 vắng mặt tại phiên toà và suốt quá trình tố tụng, không xác định nguyên nhân mâu thuẫn nhưng theo kết quả xác minh của Công an xã M, huyện T, tỉnh Long An thì ông Đỗ Văn T1 có thường trú tại địa chỉ: ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai tại nơi cư trú cho ông T1 các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo phiên tòa nhưng ông T1 không đến Tòa án tham gia tố tụng, không tham gia phiên hoà giải và phiên toà để giải quyết vụ án, không có ý kiến hay yêu cầu gì thể hiện việc ông T1 không thiết tha hàn gắn tình cảm với bà T, không quan tâm yêu cầu xin ly hôn của bà T, từ khi sinh con chung được 01 tuổi thì bà T và ông T1 cũng không còn chung sống với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ tình cảm giữa bà T và ông T1 không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông T1 là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5.3] Về con chung: có 01 con chung tên Đỗ Lê Duy M sinh ngày 14/7/2021, chưa thành niên, bà T có yêu cầu nuôi con chung. Thấy rằng, con chung dưới 36 tháng, theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Từ khi sinh ra cho đến nay con chung do bà T trực tiếp chăm sóc, hiện đang sống chung bà T, ông T1 cũng không tham gia phiên tòa không có văn bản ý kiến về việc nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cho con chung chưa thành niên Đỗ Lê Duy M cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự phát triển ổn định về mặt tâm lý và điều kiện sinh hoạt học hành của con chung, ông T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không có yêu cầu là phù hợp quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, ông T1 có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được ngăn cản là phù hợp theo quy định tại Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5.4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Lê Thị Phương T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An là có cơ sở.

[7] Về án phí: bà Lê Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 205; Các điều 147, 227, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Phương T

Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị Phương T được ly hôn với ông Đỗ Văn T1.

Về con chung: có 01 con chung tên Đỗ Lê Duy M sinh ngày 14/7/2021, chưa thành niên. Giao con chung chưa thành niên tên Đỗ Lê Duy M cho bà Lê Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đỗ Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con được quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con chung, các bên hoặc một bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Lê Thị Phương T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: bà Lê Thị Phương T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0008214 ngày 29/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An sang thi hành án phí. Bà T không phải nộp thêm.

Án xét xử sơ thẩm công khai, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hs, VT.

Hồ Bảo Trâm